

Số: 67/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

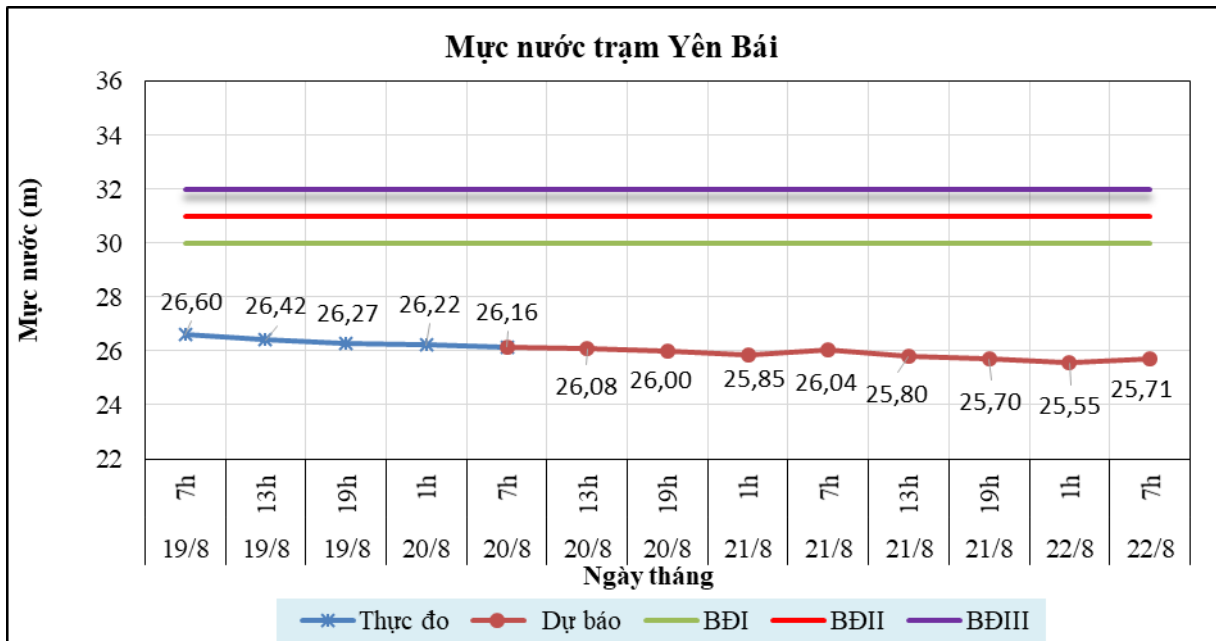
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

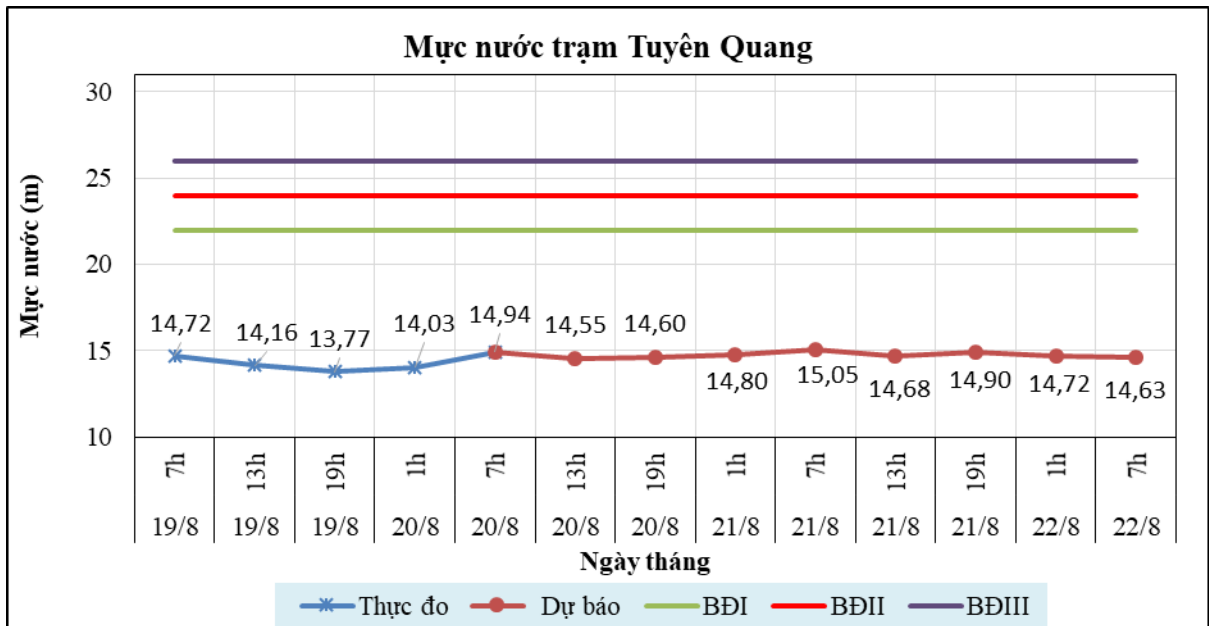
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

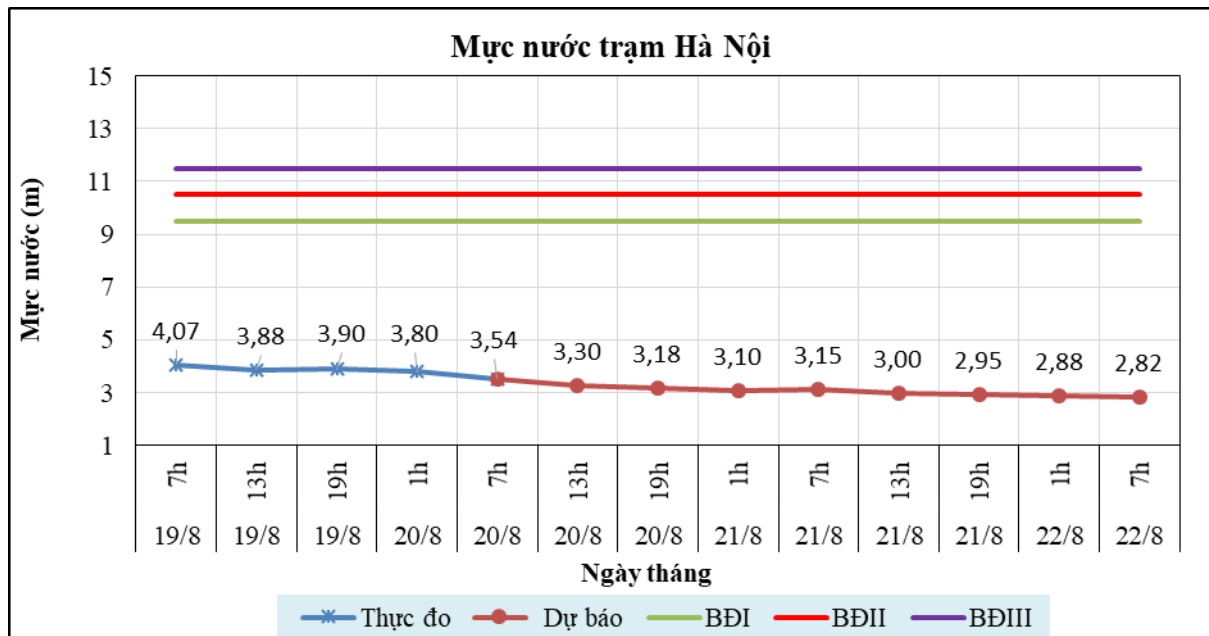
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế giảm.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

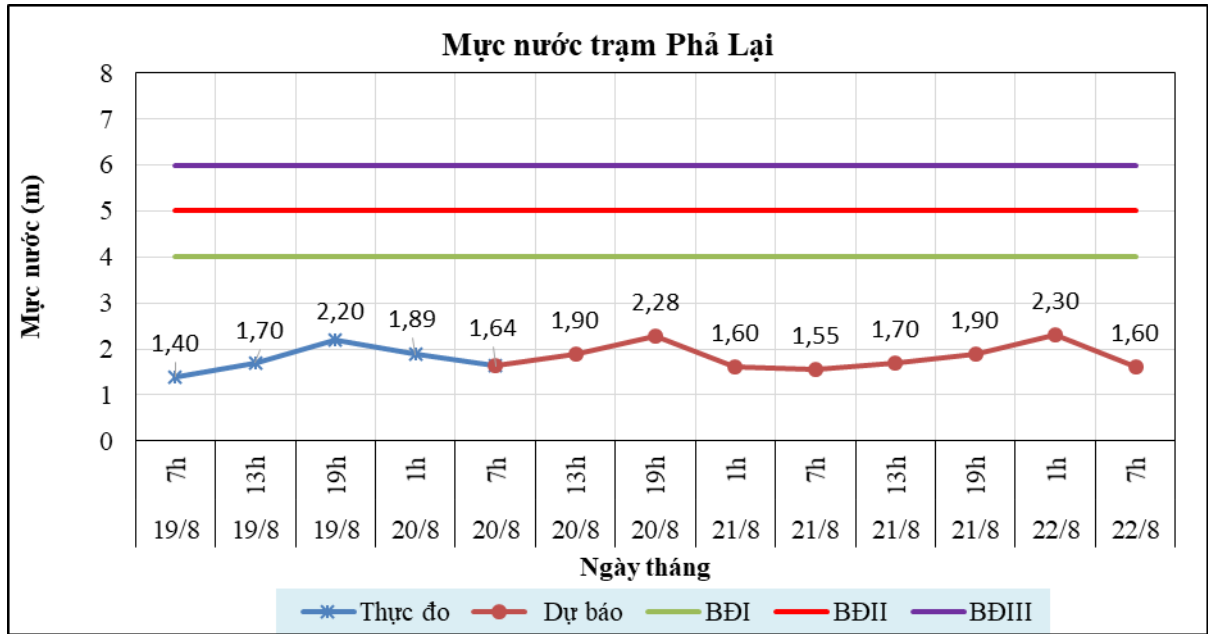
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

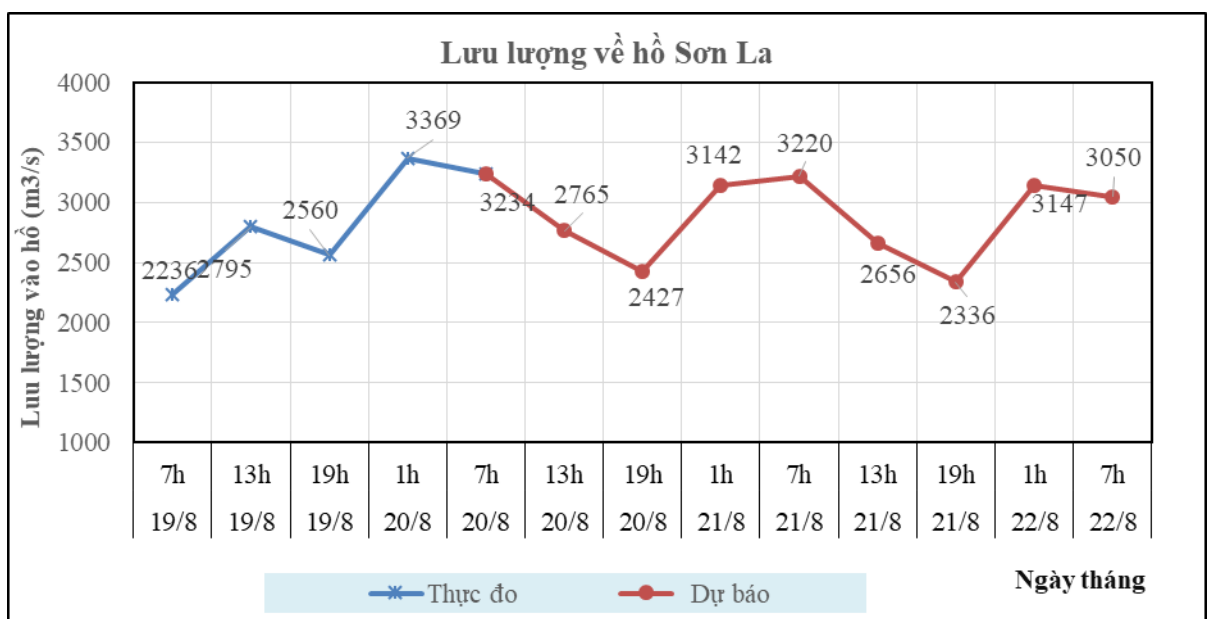
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

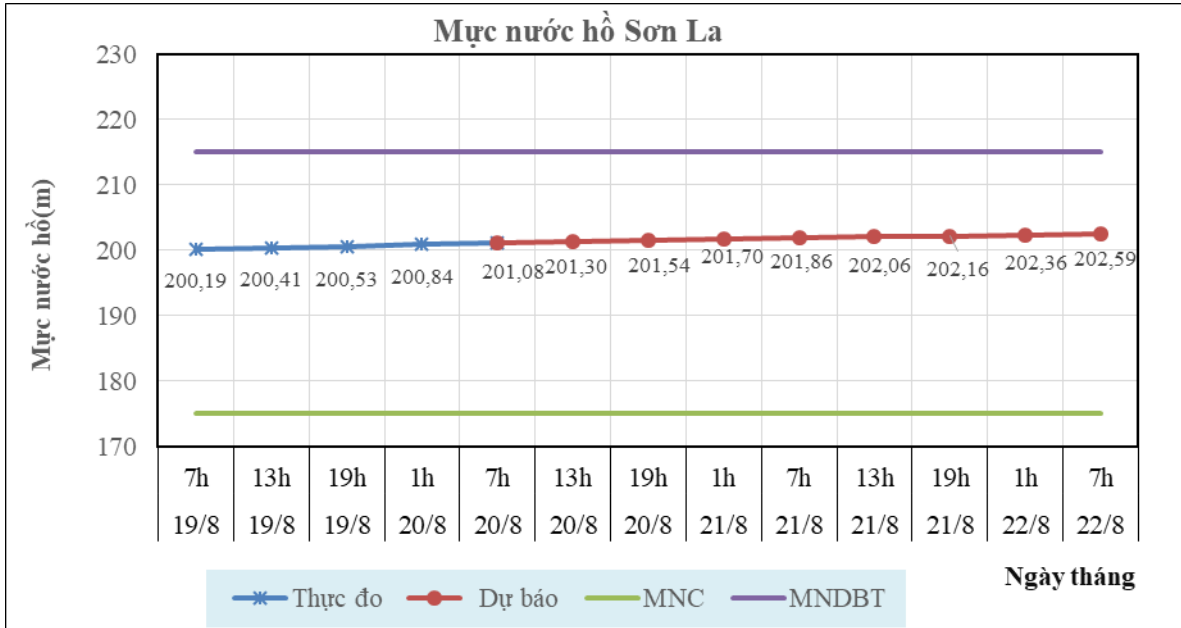
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 20/08/2025 đạt 3234m³/s, mực nước hồ đạt 201,08m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt 3220m³/s, mực nước hồ 201,86m, 48h tới lưu lượng đạt 3050m³/s, mực nước đạt 202,59m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

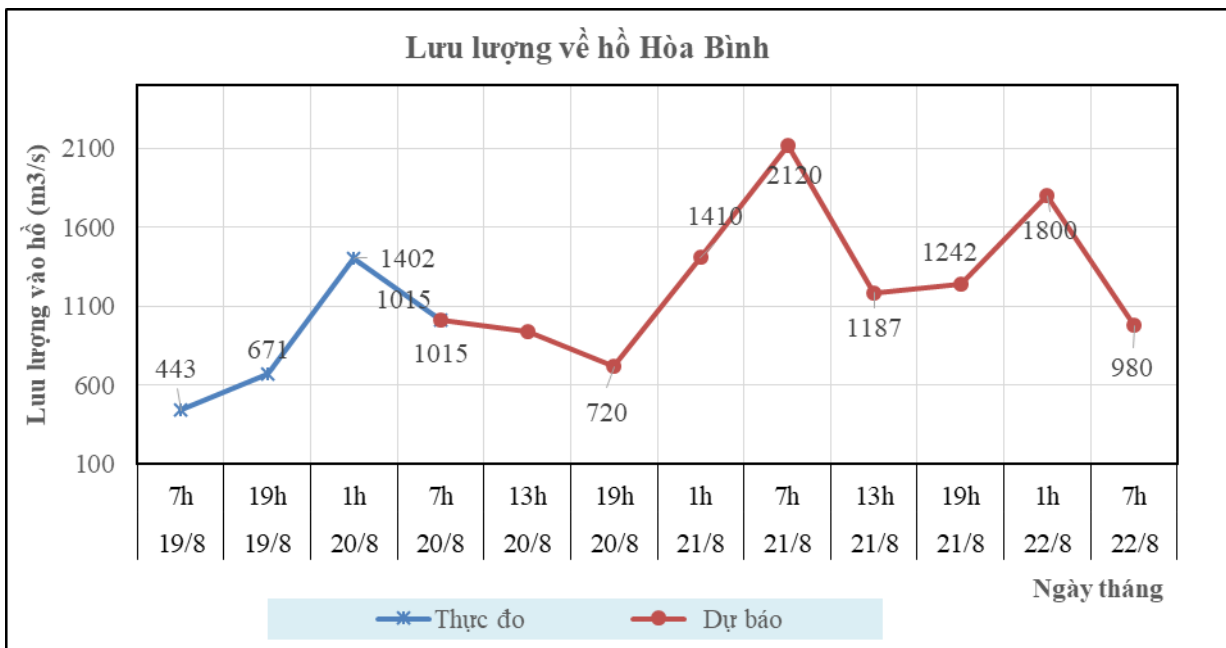
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

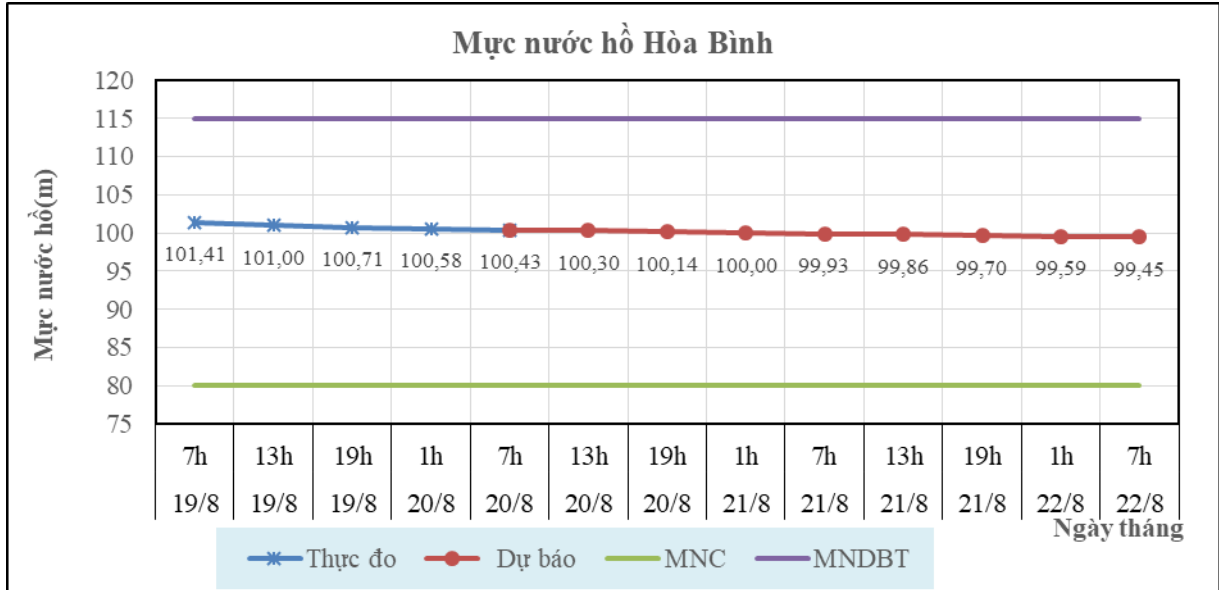
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 20/08/2025 đạt $1015\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 100,43m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $2120\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 99,93m, 48h tới lưu lượng đạt $980\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 99,45m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

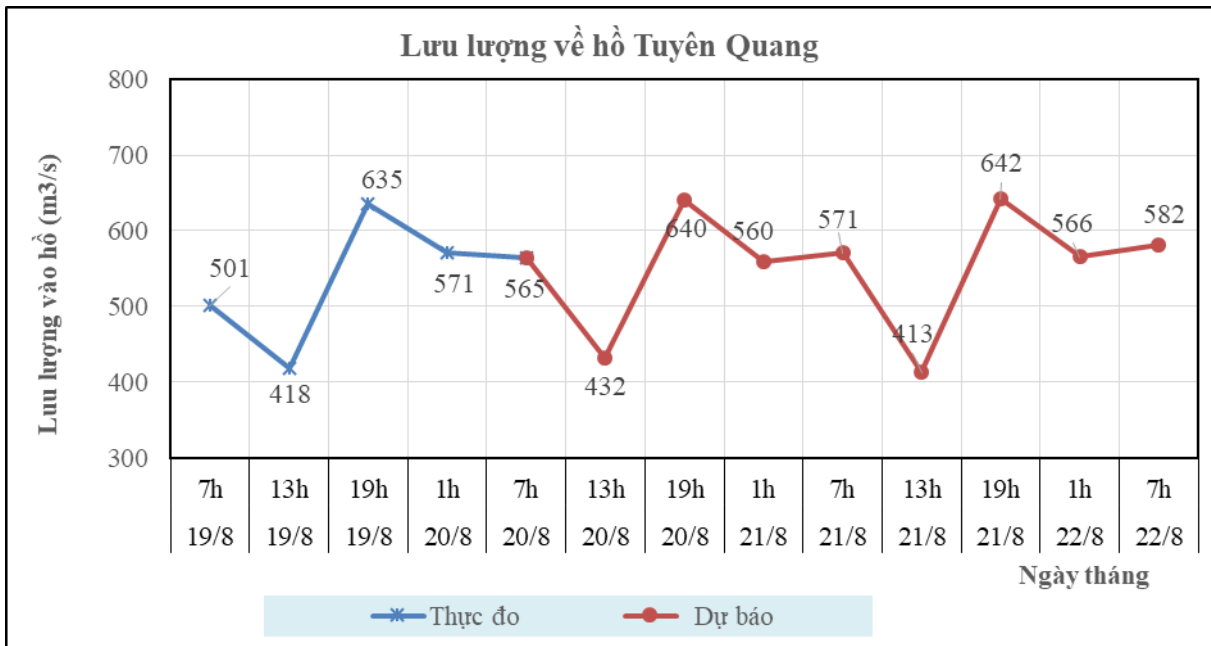
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

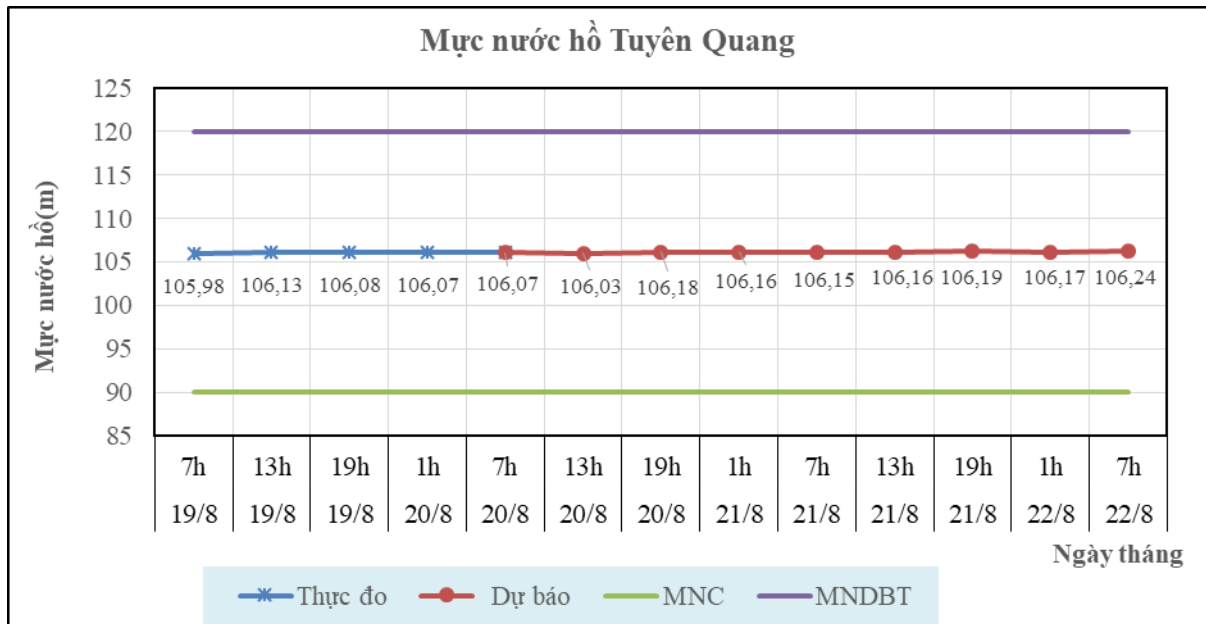
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 20/08/2025 đạt $565\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 106,07m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $571\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 106,15m, 48h tới lưu lượng đạt $582\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 106,24m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

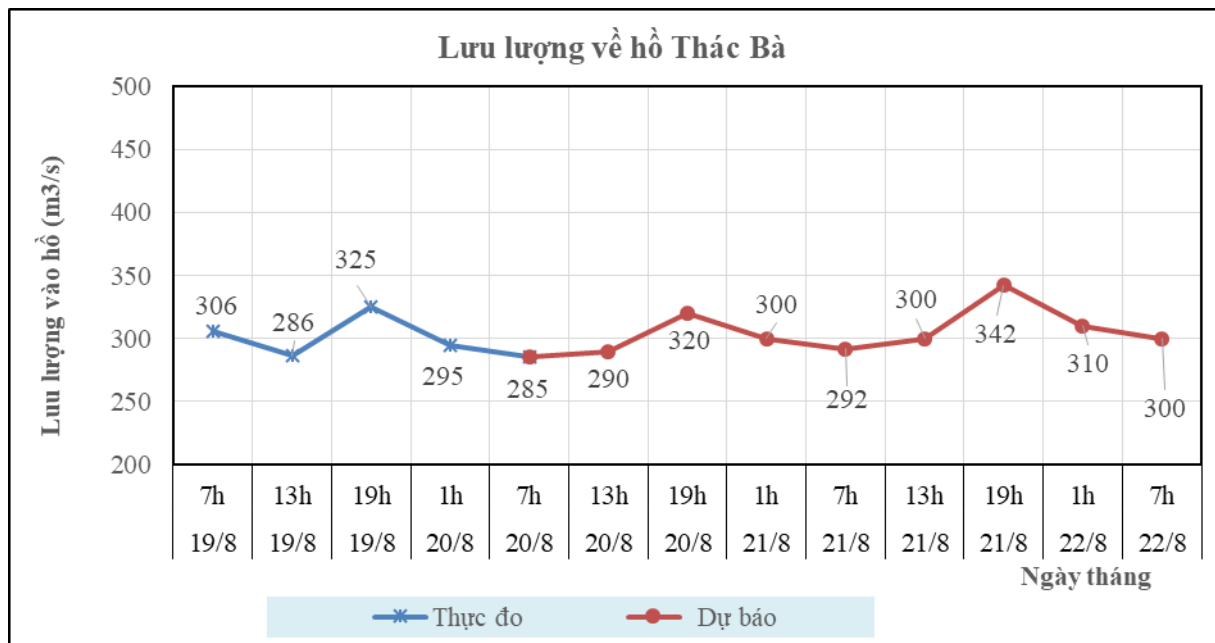
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

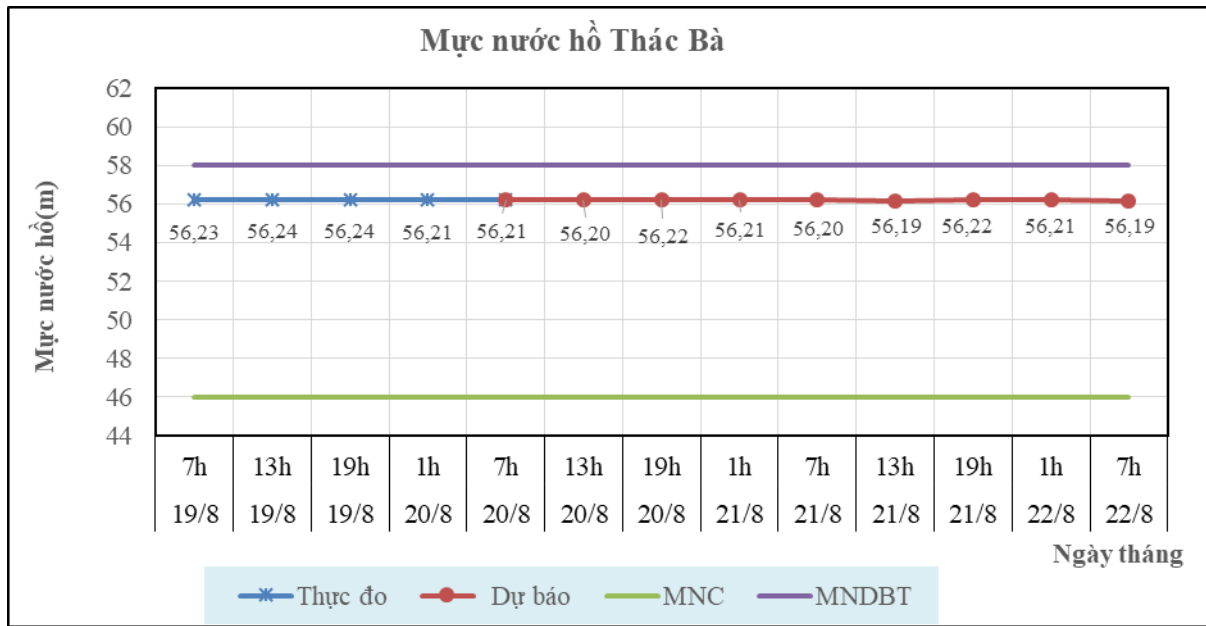
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 20/08/2025 đạt $285\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 56,21m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $292\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 56,2m, 48h tới lưu lượng đạt $300\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 56,19m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

STT	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mực nước hồ (m)
1	20/08/25	13h	0	0	2765	520	201,30	0	0	940	2300	100,30	0	0	432	0	106,03	0	0	290	0	56,20
2		19h	0	0	2427	300	201,54	0	0	720	2430	100,14	0	0	640	708	106,18	0	0	320	430	56,22
3	21/08/25	1h	0	0	3142	2000	201,70	0	0	1410	2380	100,00	0	0	560	450	106,16	0	0	300	430	56,21
4		7h	0	0	3220	1000	201,86	0	0	2120	2000	99,93	0	0	571	600	106,15	0	0	292	435	56,20
5		13h	0	0	2656	1150	202,06	0	0	1187	2350	99,86	0	0	413	400	106,16	0	0	300	0	56,19
6		19h	0	0	2336	1750	202,16	0	0	1242	2400	99,70	0	0	642	706	106,19	0	0	342	435	56,22
7	22/08/25	1h	0	0	3147	400	202,36	0	0	1800	2360	99,59	0	0	566	350	106,17	0	0	310	436	56,21
8		7h	0	0	3050	1200	202,59	0	0	980	2200	99,45	0	0	582	600	106,24	0	0	300	436	56,19